

QUAN HỆ XÃ HỘI TỘC NGƯỜI TẠO LẬP BỞI NGÔN NGỮ TRONG TRUYỆN KỂ ĐỊA DANH CỦA NGƯỜI THÁI Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Quyên

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt: Địa danh với tư cách là một hiện tượng của ngôn ngữ học đồng thời là hình thức thể hiện văn hóa của một cộng đồng, một tộc người đã/đang hiện diện trong vùng lãnh thổ mà địa danh tồn tại. Nghiên cứu này quan tâm đến các địa danh và những câu chuyện hình thành xung quanh địa danh Thái tộc. Bởi thế chúng tôi tiến hành xem xét các mối quan hệ xã hội tộc người từ góc độ ngôn ngữ thông qua việc liệt kê, phân loại hệ thống địa danh đồng thời chỉ ra các đặc điểm, quy tắc hình thành nên các địa danh đó. Những quy tắc này chính là cách thức tư duy của tộc người, cách họ nhìn/quy định thế giới và xác lập quan hệ của mình với thế giới. Việc phân tích các mối quan hệ ngôn ngữ được xác lập trước hết thông qua hệ thống địa danh cho thấy ngôn ngữ cũng là một trong những phương tiện hữu hiệu để cộng đồng người Thái khẳng định chủ quyền đối với đất đai, sông núi. Bằng cách gieo những « hạt giống ngôn từ » - địa danh, tộc người đã bộc lộ ý thức khẳng định cái tôi, khẳng định sự tồn tại của mình trước các cộng đồng khác từ đó ngày càng củng cố vững chắc địa vị của mình.

Từ khóa: Quan hệ xã hội tộc người, ngôn ngữ, truyện kể.

Nhận bài ngày 14.10.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 26.10.2020
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Mai Quyên; Email: maiquyenmc@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người Thái – một trong những dân tộc ít người có dân số đông ở Việt Nam. Nếu với các tộc người Tây Nguyên, rừng gắn bó với đời sống cư dân, rừng nuôi sống họ và rừng âm ảnh họ, “rừng phủ kín phần lớn khu vực sống của cư dân bản địa, chiếm vị trí trung tâm của vùng đất này. Rừng có mặt khắp nơi trong làng, ngoài rẫy (...) Rừng không chỉ là lãnh địa của các loài thảo mộc và muông thú đáng ngại đây còn là nơi cư trú đặc biệt của các Yang cũng như cây cối và hồ¹, thì người Thái lại gắn bó với nước và mang sức mạnh, sự uyển chuyển, biến hóa khôn lường của nước. Sức mạnh ấy được Georges Coedes ví với “con lụt”, và khi “con lụt Thái” tràn đến đâu thì những hạt mầm văn hóa tộc người cũng được gieo tới

¹ Jacques Dournes (Nguyên ngọc dịch) (2013), Rừng, Đà bả, Đilen loạn, NXB Hội Nhà văn, tr.11.

đó. Một trong những hạt mầm ấy chính là địa danh bằng tiếng Thái.

Địa danh Thái xuất hiện với tư cách là một đơn vị từ vựng, một danh từ riêng, không hề mang tính ngẫu nhiên mà hàm chứa trong nó những vĩa tầng văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ, những quan niệm của con người và đặc điểm vùng đất. Cùng với sự xuất hiện của địa danh là những truyện kể dân gian với tư cách là những sáng tạo của người dân được truyền từ đời này sang đời khác. Ý nghĩa của địa danh trong truyện kể vì thế không chỉ là dấu chỉ cho một vùng đất, một bản làng hay con sông ngọn suối, địa danh còn lại cùng năm tháng quan trọng bởi cái duyên có mà nó được sinh ra, những trải nghiệm gắn bó với cộng đồng văn hóa, ngôn ngữ đã cùng nó tồn tại đã được tưởng tượng, xâu chuỗi thành những câu truyện kể.

Sau quá trình điều tra điền dã kết hợp với sưu tập trong các công trình đã xuất bản, đến thời điểm hiện tại chúng tôi đã xuất bản một công trình bao gồm 119 truyện kể địa danh của người Thái ở Việt Nam². Đây đều là *những truyện kể có yếu tố giải thích tên gọi của các sự vật tự nhiên (đồi, núi, dốc, đèo, sông, hồ, gò, đầm,...) và những điểm dân cư (mường, bản,...) hoặc những công trình liên quan trực tiếp đến đời sống, sản xuất của nhân dân (mường, phai, mố, ruộng,...) mà tên gọi đã được xác định trên các vùng lãnh thổ Việt Nam có dân cư Thái sinh sống* và cũng là đối tượng chủ yếu được khảo sát trong nghiên cứu này. Bằng cách phân tích các cứ liệu ngôn ngữ, điều mà chúng tôi muốn hướng tới là hình dung ra một trong số những cách thức mà người Thái kết nối các nhân tố xã hội để hình thành nên cái mà G.Condominas gọi là “không gian xã hội”³.

Địa danh với tư cách là một hiện tượng của ngôn ngữ học đồng thời là hình thức thể hiện văn hóa của một cộng đồng, một tộc người đã/đang hiện diện trong vùng lãnh thổ mà nó tồn tại. Nghiên cứu này quan tâm đến các địa danh và những câu chuyện hình thành xung quanh địa danh Thái tộc. Bởi thế chúng tôi tiến hành xem xét các mối quan hệ xã hội tộc người từ góc độ ngôn ngữ thông qua việc liệt kê, phân loại hệ thống địa danh đồng thời chỉ ra các đặc điểm, quy tắc hình thành nên các địa danh đó. Những quy tắc này chính là cách thức tư duy của tộc người, cách họ nhìn/quy định thế giới và xác lập quan hệ của mình với thế giới.

2. NỘI DUNG

2.1. Truyện kể địa danh của người Thái ở Việt Nam và các mối quan hệ xã hội tộc người tạo lập bởi ngôn ngữ

Địa danh được sinh ra, phát triển cùng văn hoá, và cũng là một hiện tượng văn hóa bởi vì ngôn ngữ là sản phẩm/thành phần của văn hóa. Với tư cách là công cụ của tư duy, ngôn ngữ của mỗi tộc người phản ánh tư duy thực tại đời sống của chính họ. Cùng một sự vật,

² Xin xem Nguyễn Thị Mai Quyên (2018), *Huổi pú nặm mường* (Truyện kể địa danh của người Thái ở Việt Nam), Nxb Văn học, Hà Nội.

³ Khái niệm không gian xã hội mà chúng tôi sử dụng được đề xuất bởi G. Condominas trong công trình *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*. Theo ông thì: “không gian xã hội là cái không gian được xác định bởi tập hợp hệ thống quan hệ đặc trưng cho một nhóm người nào đó” [Georges Condominas, (Ngọc Hà, Thanh Hằng dịch) (1997), *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, NXB Văn hóa, H, tr 16].

hiện tượng nhưng mỗi tộc người dùng những biểu tượng khác nhau để gọi tên. Bằng cách này, họ tạo lập được mối quan hệ vô hình với thế giới tự nhiên và với xã hội mà trước hết là với những người đồng tộc. Thông qua công cụ ngôn ngữ, các quy tắc ứng xử xã hội được hình thành, truyền bá và củng cố theo thời gian. Mặt khác, ngôn ngữ là chủ quan, nghĩa của ngôn ngữ nằm trong tư duy của con người chứ không nằm ở ngôn từ. Một địa danh được phát âm theo tiếng Thái khi được hành chính hóa sẽ là tài sản chung của cả cộng đồng bao gồm nhiều tộc người. Trong số 119 truyện kể địa danh thuộc phạm vi khảo sát, chúng tôi thống kê được 218 địa danh trong đó tất cả các địa danh đều được tác giả dân gian lý giải cội nguồn, duyên cớ hình thành.

Trước hết, xét về cấu tạo của địa danh, qua khảo sát chúng tôi nhận thấy 218 địa danh được cấu tạo bởi 3 phương thức: 1/ Địa danh được cấu tạo hoàn toàn bằng tiếng Thái; 2/ Địa danh Việt – Thái; 3/ Địa danh có cấu tạo hoàn toàn bằng tiếng Việt.

Trong số đó, chúng tôi lưu ý có 6 địa danh (chiếm 2,7%) được cấu tạo bằng các từ tiếng Việt (Hòn Đá Thề, Hòn Đá Voi, Khe May, Khe Ổ) hoặc có một trong các từ cấu tạo nên địa danh là từ tiếng Việt (Hòn Đeng, Hòn Mung Tự). Sở dĩ chúng tôi vẫn xếp các truyện chứa địa danh này vào truyện kể địa danh Thái, bởi bản thân câu chuyện xảy ra trong bối cảnh văn hóa Thái và được người Thái kể lại. Trong truyện, địa danh được gọi theo âm tiếng Việt, khó có thể phủ nhận một phần nguyên do là trong quá trình sưu tầm truyện kể, người sưu tầm đã tự động “dịch” các địa danh này sang tiếng Việt. Con số trên cho thấy mặc dù không phổ biến nhưng các địa danh cấu tạo từ tiếng Việt minh chứng cho hiện tượng giao thoa văn hóa đang diễn ra đồng thời là biểu hiện trực tiếp của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các tộc người (ở đây là người Thái và người Kinh), bất kể là họ (người Thái/chủ thể văn hóa sản sinh ra truyện kể) có muốn hay không. Ngoại trừ 6 trường hợp kể trên, 212/218 địa danh được cấu tạo hoàn toàn từ các từ tiếng Thái. Sự hình thành của các địa danh này đều có nguyên do và được lý giải rõ trong truyện. Căn cứ vào sự lý giải trực tiếp về ý nghĩa của địa danh thông qua phương thức dịch nghĩa (ví dụ: Nặm Xia – suối Nước Mắt; Pu Nang Non: Núi Nàng Nặm; bản Na Tòong: bản Nàng Tòong; thẳm Nang Han: hang Nàng Han,...) và sự lý giải của tác giả dân gian Thái trong truyện kể, chúng tôi thử tiến hành xác định “hệ lý do” hình thành nên 218 địa danh, tức là xác định những dấu hiệu được chọn làm cơ sở để người Thái định danh các địa điểm cụ thể.

Bảng 1: Thống kê căn cứ hình thành địa danh

Loại lý do	Số lượng	%
1. Sự tồn tại/ hành động của thần linh hoặc vật/con vật thiêng	26/218	11,93
2. Sự tồn tại/ hành động của con người	89/218	40,82
3. Sự tồn tại/ hành động của động vật	31/218	14,23
4. Sự tồn tại của thực vật	9/218	4,12
5. Sự tồn tại của các sự vật gắn liền với đời sống	29/218	13,3
6. Đặc điểm của sự vật (màu sắc, hình dáng, kích thước, nhiệt độ...)	34/218	15,6

Căn cứ vào ý nghĩa cũng như duyên cớ hình thành nên địa danh, chúng tôi rút ra được 6 loại dấu hiệu. Đây thực chất là những nhóm dấu hiệu mà thông qua đó có thể thấy được

cách thức người Thái lựa chọn cơ sở định danh cho các sự vật, địa điểm. Trên cơ sở các nhóm dấu hiệu này, đa số (214/218) địa danh đều được cấu tạo theo mô hình:

Đối tượng được định danh + cơ sở định danh

Trong số các địa danh được giải thích, chỉ có 4 địa danh bao gồm Chí Lồông, Lồông Xấp, Xam Mún, Xam Bĩa là địa danh chỉ bao gồm cơ sở định danh (là đặc điểm của địa danh) còn đối tượng được định danh bị vắng mặt. Với 214 địa danh còn lại, có thể thấy những ví dụ về công thức cấu tạo như sau :

- *Đối tượng được định danh + Sự tồn tại/ hành động của thần linh hoặc vật/con vật thiêng.* Thí dụ : Choong Năng, Pú Tan, Pú Thán, Huổi Púng, Pú Luống, Pú Hìn Kinh, Thăm Já Nẹo, Hát Ái, Nả Táng Nang Luông,... Trong đó các yếu tố *choong* (chậu), *pú* (núi), *huổi* (suối), *thăm* (hang)... là đối tượng được định danh còn bộ phận phía sau là sự bổ sung cơ sở định danh.

- *Đối tượng được định danh + Sự tồn tại/ hành động của con người.* Thí dụ: Pu Nang Non (Núi Nàng Nầm), Pu Tạo Non (Núi Chàng Nầm), Pom Loi (Đồi Uất Hận), Pom Ca (Đồi Mai Táng), Nậm bó Nàng Han (Mỏ nước Nàng Han).

- *Đối tượng được định danh + Sự tồn tại/ hành động của động vật.* Thí dụ: Khoong Ma Hao (Khe Chó Chết Rét); Thăm Quái (Hang Trâu); Bản Cặp Chạng (Bản Voi Kẹt), Mường Quài (Mường Trâu).

- *Đối tượng được định danh + Sự tồn tại của thực vật.* Thí dụ: Ta Bó Bua (Bến Sen), Thăm Da (Hang Cây Thuộc), Bản Quấn (Bản Cây Quấn), Bản Nà Ngà (Bản Tre Vàng), Bản Tầu Pung (Bản Quả Bàu).

- *Đối tượng được định danh + Sự tồn tại của các sự vật khác.* Thí dụ : Túng Lũm (Cánh Đồng Gió), Hoong Cúm (Rãnh Cúm - Cúm: Một dụng cụ đựng kim chỉ hoặc đồ trang sức phụ nữ), Hoong Khoong (Rãnh Cửa).

- *Đối tượng được định danh + Đặc điểm của sự vật (màu sắc, hình dáng, kích thước...).* Thí dụ: Na Nọi (Ruộng Nhỏ), Pú Đán Đanh (Núi Đá Đỏ), thành Xam Mún (thành Ba Vạn), Hìn Bát (Đá Sứt).

Nếu coi tất cả những địa danh trên là những đơn vị ngôn ngữ hoàn chỉnh thì có thể thấy chúng hoàn toàn chống lại “tính vô đoán”. Nói cách khác, các đơn vị ngôn ngữ ấy đều có lý do. Đó có thể là lý do khách quan, nằm trong bản thân đối tượng/khách thể được định danh (chẳng hạn màu sắc, kích thước,...) nhưng đa số là những lý do chủ quan, được quyết định bởi chủ thể định danh - người Thái. Bằng mối ưu tiên lựa chọn khác nhau với những lý do/ cơ sở định danh, người Thái đã tự bộc lộ đặc trưng văn hóa – dân tộc. Điều này có quan hệ trực tiếp với việc cấu thành không gian xã hội tộc người, bởi lẽ chính thông qua việc lựa chọn cơ sở định danh mà mối dây quan hệ giữa chủ thể và khách thể định danh được hình thành. Trong 6 nhóm lý do để gọi tên địa danh, Thái tộc ưa gắn địa danh với sự tồn tại hay hành động của con người (hơn 40 % địa điểm được gọi tên dựa trên cơ sở này). Điều đó cho thấy, đồng thời với việc đánh dấu không gian địa lý, môi trường sống, tộc người có ý thức

khẳng định “chủ quyền” của mình. Địa điểm ấy, không gian ấy, mảnh ruộng, ngọn đồi nơi họ trồng cây, lấy măng, đào củ ấy là cái “của tôi”. Một trong những bằng cứ được đưa ra là những hành động tác động đến đối tượng (khai phá, chăm nom, sử dụng,...) đều là hành động của chính cộng đồng họ.

Ở đây, thông qua địa danh – một yếu tố của ngôn ngữ, người Thái tận dụng tối đa những uy quyền của ngôn ngữ trong việc xác lập chủ quyền trên các vùng lãnh thổ của mình. Bằng việc sáng tạo ra những “đơn vị mang văn hóa”, người Thái thành công hơn nhiều tộc người khi thông qua các đơn vị ấy để truyền đi các hiện tượng văn hóa của tộc mình, vượt qua những giới hạn của không gian và thời gian. Và nếu như không gian xã hội của một tộc người được tạo nên bởi một tập hợp các hệ thống quan hệ thì “ngôn ngữ (cái giúp vào việc thiết lập và thúc đẩy các mối quan hệ đó) có vị trí rất rõ ràng, hiển nhiên trong không gian (...) nó tự khẳng định trong các quan hệ của mình với những người khác, phân định ranh giới giữa những cái “chúng ta” đối với những cái “của người ta”⁴. Bản thân các truyện kể và sự hình thành dày đặc các địa danh – biểu hiện của ngôn ngữ tộc người là sự tự khẳng định cái “tôi” trong quan hệ của người Thái với những người khác. Chữ “chủ quyền” được bộc lộ gián tiếp qua các địa danh thuộc hệ thống ngôn ngữ tộc người đồng thời nội dung truyện kể (bối cảnh hình thành địa danh) cũng là cách ghi lại lịch sử, giúp tộc người ghi nhớ những chiến công, là sự khẳng định quan trọng nhất vị thế của tộc mình trước các tộc khác. Bên cạnh việc lựa chọn cơ sở định danh, bản thân các đối tượng được chọn để định danh cũng cho thấy vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong không gian xã hội tộc người. Một địa danh thực sự không thể tồn tại mà không gắn liền với một sự vật, một địa điểm, một không gian cụ thể. Như vậy, dù chỉ là yếu tố của ngôn ngữ nhưng địa danh bao hàm trong đó một nhân lõi thực tế, một lịch sử, một truyền thống văn hóa. Vốn dĩ “con người hình thành nên cái nhìn của mình về thế giới, hoặc bức tranh thế giới của mình, không phải tự thân, mà thông qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ góp phần vào sự hình thành nên cách nhìn đặc biệt về thế giới. Bức tranh thế giới ấy khác với những bức tranh tương tự được hình thành ở ngôn ngữ khác”⁵. Và như thế, địa danh Thái – yếu tố của ngôn ngữ - góp phần vào việc hình thành nên bức tranh về thế giới của người Thái trong sự khác biệt với tộc người khác, tạo ra bức tường bảo vệ vô hình khẳng định và bảo vệ thế giới của họ.

Thống kê cho thấy có tất cả 39 đối tượng được lựa chọn để định danh. Ngôn ngữ học chỉ ra rằng, trong diễn ngôn hàng ngày, người ta không thể cùng một lúc gọi tên tất cả các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan mà buộc phải chia nhỏ hiện thực trong lời nói. “Chính sự bắt buộc chia nhỏ hiện thực trong lời nói đã tạo ra một số lượng khá lớn thuộc tính của sự vật được khách quan hóa một cách nhân tạo và dường như tồn tại tách biệt, đơn lập, nhưng trong thực tế, các sự vật ấy không hề tồn tại đơn biệt như vậy. Có thể tìm được vô số sự kiện chứng tỏ rằng thể liên tục của thế giới khách quan trong các ngôn ngữ được

⁴ G. Condominas, sđd, tr 44

⁵ Nguyễn Đức Tôn (2002), Tìm hiểu đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác, Nxb ĐHQG Hà Nội, H, tr 30,31

phân cắt theo kiểu khác nhau và được biểu hiện một cách khác nhau bằng ngôn ngữ”⁶. Ở đây, trong không gian xã hội với nhiều quan hệ chằng chéo, đan cài, mối quan hệ ngôn ngữ giữa Thái tộc và thế giới xung quanh họ được xác lập thông qua việc phân cắt, chia nhỏ “thể liên tục của thế giới”, trong đó có những sự vật được “tô đậm” bằng cách gọi tên nhiều lần. Theo thứ tự, có thể thấy bức tranh ngôn ngữ Thái tộc quan tâm trước hết đến các đối tượng như *bản* (được định danh 36 lần); *pú* (núi: 26 lần); *mường* (18 lần); *nà* (ruộng: 13 lần); *noong* (ao: 14 lần); *ta/tà* (bến nước: 8 lần); *huổi* (suối: 8 lần); *hát* (thác: 6 lần),...

Ngược dòng thời gian trở về với thuở xa xưa khi những người Thái đầu tiên xuôi theo các dòng sông ngọn suối đi tìm đất có thể hình dung phần nào nguyên do mà họ lựa chọn đối tượng để định danh. Như trên chúng tôi từng dẫn lời Cẩm Trọng, “Mường Muối ban đầu không phải là châu Mường Muối, cũng không phải là huyện Thuận Châu ngày nay. Nó chỉ là một thung lũng dài bắt đầu từ thượng nguồn suối Nậm Muối gọi là Hua Ngà và dứt điểm ở vùng hạ lưu suối gọi là Lả Thúm. (...) Mường La (...) cho đến nay vết tích của mường đầu tiên nằm gọn trong thung lũng trung tâm của suối Nậm La”⁷. Có thể tìm được vô vàn những dẫn chứng như vậy về cách mà người Thái tìm đất dựng mường. Điều đó cho thấy, với họ việc tìm đất sống gắn liền với những yếu tố tự nhiên, đặc biệt là núi và nước, đồng thời quá trình ổn định nơi ở, dựng bản lập mường chẳng hề dễ dàng, bởi thế họ có nhu cầu ghi nhớ những nơi từng đi qua, những dòng nước đã cho mình sự sống, những bản làng mình khó nhọc dựng xây mà việc định danh cho đối tượng là một trong những cách thức. Việc lựa chọn đối tượng định danh như trên cho thấy, thuộc về phần trung tâm trong bức tranh thế giới mà người Thái tạo lập qua ngôn ngữ chính là mường bản, ruộng đồng, núi non, suối thác,... trải rộng ra là tất cả các yếu tố tự nhiên như rừng, đèo dốc, khe núi, eo rãnh, thậm chí là từng tảng đá. Thông qua việc làm này, tộc người đã khéo léo vận dụng ngôn ngữ như là một phương thức, một cầu nối, góp phần hình thành nên một phương diện của không gian xã hội bên cạnh nhiều phương diện khác.

3. KẾT LUẬN

Theo G. Condominas, các khía cạnh của không gian xã hội tộc người bao gồm những mối liên hệ với không gian và thời gian, những quan hệ với môi trường, những quan hệ về trao đổi của cải, những mối quan hệ về giao tiếp: ngôn ngữ và chữ viết, những quan hệ họ hàng và xóm giềng. Bài viết này chỉ xem xét một khía cạnh trong hệ thống các mối quan hệ chằng chéo và phức tạp đó. Với tư cách là những truyện kể về các đối tượng tự nhiên được định danh như đất đai, làng bản, sông suối,... truyện kể địa danh của người Thái ở Việt Nam thể hiện vai trò tạo lập quan hệ xã hội tộc người thông qua việc phân định các không gian, đánh dấu lãnh địa cư trú của tộc người, thông qua địa danh và những câu chuyện kể. Việc phân chia thế giới bằng ngôn ngữ, cá biệt hóa các không gian cụ thể trong địa vực cư trú của tộc người chính là một trong những cách thức mà “cơ lự Thái” khắc ghi dấu ấn văn hóa

⁶ Nguyễn Đức Tồn, sđd, tr 28,29

⁷ Cẩm Trọng (1978), Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, H, 301

của mình làm nên một không gian xã hội mang đặc trưng riêng mà những người làm chủ luôn tự hào là “Phủ Táy”.

SOCIAL RELATIONS FROM LINGUISTIC PERSPECTIVE IN THE STORY OF PLACE NAMES OF THAI ETHNIC

Abstract: *Place name as a phenomenon of linguistics is also a form of cultural expression of a community, a group of people who were/are present in the territory where the place exists. This study concerns place names and stories that form around place names of Thai ethnic. Therefore, we conducted a review of the ethnic social relations from linguistic perspective through the listing and classification of the place names system and showing the characteristics and rules that form them. These rules are the way of thinking of the people, how they see/regulate the world and establish their relationships with the world. The analysis of linguistic relationships that was first established through the place name system shows that language is also an effective means for the Thai community to assert sovereignty over their land. By sowing «seed of words» - place names, the ethnic has revealed their sense of affirmation of themselves, affirming their existence before other communities since then to strengthen their position.*

Keywords: *Ethnic social relations, languages, stories.*